

VIỆT NAM LƯỢC – SỬ CA

Võ Khắc Trí

ĐỀN THỜ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

Ảnh Trần Cao Lĩnh

VIỆT NAM

LƯỢC SỬ CA

Võ Khắc Trí

Đã xuất bản và tái bản
tại Việt Nam trước năm
1975
Ấn bản đầu tiên tại Hoa Kỳ
(có sửa chữa)

Tác-giả giữ bản-quyền
Mọi trích-dịch phải có sự ưng-thuận của tác-giả

Lời Giới Thiệu

Lâu nay tôi cảm nhận sự thiếu thốn các sách về nguồn gốc văn hóa và sử nước nhà cho giới trẻ ở hải ngoại. Sách thì nhiều, nhưng sách phù hợp còn ít.

Hiện nay, giới cần học và cầu học hơn cả là giới trẻ. Các em thiếu nhi sinh vào thế hệ thứ hai, tiếng Việt quá kém, nếu không nói là không biết. Cũng như thành phần thiếu niên và thanh niên thuộc thế hệ thứ nhất, vì ra đi quá sớm nên đã quên tiếng Việt khá nhiều. Biết bao lần tôi do dự giới thiệu, khi các em hỏi nên đọc sách gì. Những cuốn ta có trong tay và in lại ở hải ngoại, khi soạn ra các tác giả đâu nhắm tới đối tượng không hề có trước 1975, là các giới nói trên. Vào thời buổi này, còn ai chịu đưng thân soạn sách giáo khoa? Công việc cấp bách, cần thiết, nhưng bạc bẽo và không sinh lợi.

Vừa đây, một người bạn ở Hoa Kỳ chuyển tới tôi tập sách “Việt-Nam Lược-Sử Ca” của cụ Võ-Khắc-Trí. Và nhắn lời tác giả yêu cầu tôi viết vài dòng giới thiệu. Tôi liền lật trang đọc kỹ.

Năm trăm tám mươi câu thơ song thất lục bát đã diễn tả đầy đủ, gọn gàng mọi sự kiện lịch-sử nước ta. Từ thời “Sinh ra trăm trứng nở vừa trăm con” cho tới ngày chính phủ Trần Trọng Kim “Tuyên ngôn độc-lập, tiếng tăm nhất thời” năm 1945.

Bằng dòng thơ trong sáng, đôn hậu, với tinh thần trung thực, không thiên lệch của nhà viết sử, cụ Võ-Khắc-Trí đã làm một công trình đáng tuyên dương. Qua “Việt Nam Lược-Sử Ca”, những sự biến quan trọng nhất đều chứa năm tháng chính xác, chứ không ngừng ở diễn ca mà thôi. Tên tuổi, địa danh, chữ khó được chú thích rõ ràng. Đúng là tác phong của nhà giáo-dục. Cần trọng, chí thành, vô tư.

Tôi vô cùng mừng. Từ nay, giới trẻ không còn thiếu một cuốn sử giản lược. Họ sẽ hết nản lòng cầm những cuốn sách dày cộm, khi vốn Việt ngữ của mình còn sơ sài. Đọc “Việt-Nam Lược-Sử Ca” có cái thú văn chương như khi đọc một bài thơ dài, vừa dung dị vừa cảm tú. Ở các khóa học tập tiếng Việt, các em có thể đọc hay học thuộc lòng từng đoạn theo cách phân chia triều đại chuẩn xác của tác giả.

Không riêng gì cho giới trẻ, đây còn là cuốn sử thông dụng cho mọi người, mọi lứa tuổi. Mấy ai dám nói mình thuộc lòng các năm tháng, tên vua, sự kiện trong lịch sử nước ta? Tập sách này là tài liệu quý, là bộ nhớ thường dụng giúp ta tra cứu rất nhanh các triều đại ta quên. Giúp ta hồi tưởng nền văn-hiến xa xưa, như con thuyền mộng chở ta đi ngược thời gian về thăm Quê Cha Đất Tổ.

Tôi rất hoan nghênh việc cụ Võ-Khắc-Trí sẽ cho tái bản cuốn “Việt-Nam Lược-Sử-Ca” bổ-ích này. Bản thân tập sách đã là một bài tựa lớn về tinh-thần bất-khuất của người Việt suốt các thời kỳ giữ và dựng nước. Ít cũng đã trên mười nghìn năm ở đồng bằng sông Hồng vào tới sông Gianh, để Nam tiến tới sông Cửu-Long, bước đầu cho cuộc hành-trình tương dự với thế-giới.

Lời giới thiệu của tôi hôm nay, xin được xem như một lời cảm ơn đối với công trình của tác giả cuốn “Việt-Nam Lược-Sử Ca”.

Paris, 20-7-1991

Võ Văn Ái

Chúng tôi đã dựa vào các sử-liệu trích trong các tác-phẩm sử-học được xem là có giá-trị của các tác-giả như : “ĐẠI-NAM QUỐC-SỬ DIỄN CA” của Ông LÊ-NGÔ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOÁI, “VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC” của Ông TRẦN-TRỌNG-KIM, “VIỆT-NAM MÁU LỬA” của Ông NGHIÊM-KẾ-TỔ ...

Văn tài thô thiển, nhưng với tâm thành thiện ý đối với công lao trời bể của các tiên-nhân Tổ-Tiên chúng ta, chúng tôi kính mong cao-kiến của các bậc thức-giả bổ-khuyết cho, thì soạn giả muôn vàn cảm-kích và đa tạ.

TÁC-GIẢ CẢN CHÍ

VÕ-KHẮC-TRÍ

MỞ ĐẦU

Việt-Nam ta giống da vàng,
Khai-tiên¹ từ họ Hồng-Bàng đến nay.
Trải bao nhiêu chuyện dở hay ...?
Bốn nghìn năm lẻ, đổi thay mấy đời?
Thịnh, suy, dâu bể, cơ trời,
Nước non bờ cõi, hiện thời tới đâu?

oOo

Từ Nam-quan đến Cà-Mâu,
Hình cong chữ S, hai đầu rộng hơn.
Phía Tây có dãy Trường-Son,
Lào, Miên² diện-tích nhỏ hơn nước nhà.
Phía Nam giáp Vịnh Xiêm-La.
Phía Đông giáp biển³ thông ra Thái-Bình.
Bắc-phương từng chống hoa-binh⁴,
Xâm-lãng quân nọ, tan tành mấy phen...?
Giang-son vẫn giữ còn nguyên,
Ba trăm nghìn lẻ⁵ một miền thên thên.
Hơn năm mươi triệu sinh-linh,
Con Hồng, cháu Lạc hiển-vinh giống nòi,
Lần trang lịch-sử mà coi,
Từ đầu đến cuối xét soi cho tường.

¹ Khai tiên : Mở đầu

² Lào, Miên : Ai-Lao và Cao-Miên

³ Biển : Biển Nam-Hải

⁴ Hoa-binh: Binh lính của Trung-Hoa

⁵ Diện tích của nước ta đo được 320.000 cây số vuông.

THƯƠNG-CÔ THỜI-ĐẠI (từ năm 2879 đến 111 trước Tây-
lịch)

Theo những truyện hoang-đường thời cô:

Vua Đế-Minh tuần thú gặp tiên,
Cùng người kết tóc xe duyên,
Sinh ra Lộc-Tục⁶ nghiệp truyền xưng vương

Nước Xích-Quỷ, Nam-phương mở đất,
Họ Hồng-bàng thứ nhất từ đây.

Dương-vương, Long-nữ duyên vầy,
Trưởng-nam Sùng-Lãm sau này nối ngôi.

Lạc-Long-Quân từ hồi kế vị,
Duyên trăm năm kết chỉ xe tơ,
Với nàng Tiên-Nữ Âu-Cơ,
Sinh ra trăm trứng nở vừa trăm trai,

Vì thủy, hỏa chia tay đôi ngã:
Chón Nam-thùy⁷ phân nửa theo cha;
Hướng về núi Tản, non Ba⁸,
Năm mươi theo mẹ chia ra các miền.

Người con trưởng được truyền vương-nghiệp
Mười tám đời liên tiếp lập công,
Hùng-Vương đô ở Châu-Phong,
Văn Lang là nước, rặng dòng Rồng, Tiên.

Đặt Lạc-tướng coi bên võ-bị,
Quan Lạc-hầu cai-trị nhân-dân;
Vĩnh-Yên thẳng đến Bình-Văn⁹,
Gồm mười lăm bộ, cát-phân¹⁰ cũng tường.

⁶ Hoàng-Tử Lộc-Tục lên làm vua hiệu là Kinh-Dương-Vương.

⁷ Nam-thùy: Miền nam, tức miền bể.

⁸ Tản, Ba: Núi Tản-Viên và Ba-Vi.

⁹ Nước Văn-Lang chạy dài từ Vĩnh-Yên đến Bình-Văn (gần mạn Quảng-Bình, Quảng-Trị bây giờ)

Với Trung-Quốc mở đường giao-hữu,
Dâng Đế-Nghiêu vật bửu Thân-quy.

Nhân-dân sinh-hoạt tùy-nghi :
Văn-thân¹¹ quen thói kẻ đi lưới chài.

Đời thứ sáu, thiên-tài "Phù-Đổng"¹²
Vì giặc Ân, phút bỗng anh-linh:

Gươm vàng, ngựa sắt đề-binh,
Giúp vua dẹp giặc, tàng-hình¹³, lên tiên.

Đời mười tám, đôi bên Sơn, Thủy¹⁴,
Vì Mị-Nương, âm-ĩ đánh ghen,

Thủy dân tấn núi một phen...
Luu-truyền, sông Nhị nước lên mùa hè¹⁵.

Dòng phụ-đạo¹⁶ quyền về một họ.
Sự đổi thay cũng có cơ trời.

Hai nghìn năm lẻ nổi ngôi.
Ai ngờ sau lại đến hồi Thục tranh.

¹⁰ Cát-phân: Cát chia

¹¹ Văn-thân: Minh cố vấn. Dân ta, thời ấy có thói vẽ mình, đến đời vua Anh-Tông nhà Trần mới bỏ

¹² Phù-Đổng: Thiên-Vương Phù-Đổng, mới có 3 tuổi, nghe vua cầu cứu diệt giặc Ân, bỗng anh-linh, xin phép mẹ, giúp vua dẹp tan giặc Ân.

¹³ Tàng-hình: Biến mất

¹⁴ Sơn, Thủy: Sơn-Tinh và Thủy-Tinh

¹⁵ Ngày nay mỗi năm về mùa hè nước ở triền sông Nhị-Hà lại lên to. Dân quê cho đó là Thủy-Tinh đánh ghen mà sinh ra.

¹⁶ Phụ-đạo: Cha truyền con nối

Nhà Thục (từ năm 257 đến 207 trước Tây-lịch)

Đời Thục-Phán, Loa-thành xây dựng

Nhờ Kim-qui¹⁷, giữ vững cõi bờ.

Quốc-danh Âu-Lạc bấy giờ,

Năm mươi năm chặn, đến cơ hiểm nghèo.

Thục có nỏ, quân nào sánh nổi,

Nên Triệu-Đà lập mối kết thân:

Thông-gia¹⁸, gởi rỏ ân-cần,

Âm-mưu tráo lấy nỏ thân Thục-vương.

¹⁷ Kim-qui: Rùa vàng

¹⁸ Triệu-Đà hỏi con gái Thục-vương là Mị-Nương cho trai trưởng là Trọng-Thủy; Thục-vương gả, Trọng-Thủy ở gởi rỏ, lập mưu bảo vợ cho xem cái nỏ thân rồi thừa cơ đánh tráo lấy cái lấy làm bằng vuốt Kim-qui.

Nhà Triệu (từ năm 207 đến 111 trước Tây-lịch)

Tần¹⁹ dụng-ý phân-cương Bách-Việt,
Chiếm Lĩnh-Nam là miệt nhiều châu...
 Khác nào tầm nọ ăn dâu...
Lấn dần Âu-Lạc, tóm thâu một nhà.
Đặt Nam-Hải²⁰ Triệu-Đà trấn thủ;
Triệu âm-mưu tự-chủ phương Nam.
 Hoàn-thành những việc giả-tâm,
Thân-chinh diệt Thục, sơn lâm băng miền...
Thục mất lấy, nước liền bị chiếm.
Triệu thiên đô cứ-hiểm²¹ Phiên-ngung.
 Năm đời họ Triệu xưng hùng.
Quốc-danh Nam-Việt lấy-lùng một phương.
Nhưng rất tiếc, Ai-vương thơ ấu,
Việc triều-đình chưa thấu mảy may;
 Nỗi niềm Cù-Thị²² riêng tây:
Định dâng đất nước qua tay Sứ-thần.
Gã Thiệu-Quý²³ vốn nhân-tình cũ,
Sẵn mưu sâu Hán-chủ đưa sang...²⁴
 Hai bên đôi mặt giao-hoan,
Tình riêng gặp hội, hòa-thân một lòng.
Mưu đã quyết, khó hòng dung-túng,
Nên Lữ-Gia²⁵ giữ đúng triều cương:²⁶
 Giết Cù-Hậu lẫn Ai-vương;

¹⁹ Tần: Tần-Thủy-Hoàng (244t.t.l.), trước khi thống-nhất được thiên-hạ, thì nước Tàu thuộc về đời Tam-Đại (Hạ, Ân, Chu), cuối đời nhà Chu có Ngũ-Bá đời Xuân-Thu, Thất-Hùng đời Chiến-Quốc.

²⁰ Nam-Hải: Tên đất thuộc tỉnh Quảng-Đông nước Tàu.

²¹ Cứ-hiểm: Căn-cứ hiểm yếu.

²² Cù-Thị: Cù-Thái-Hậu mẹ của Ai-vương, là nhân-tình cũ của An-Quốc Thiệu-Quý, sứ-thần của nước Tàu.

²³ Thiệu-Quý: An-Quốc Thiệu-Quý

²⁴ Khi Triệu-Đà đánh An-Dương-Vương (Thục-vương), thì bên Tàu đã suy, nhà Hán sắp lên làm vua.

²⁵ Lữ-Gia: Tể-tướng trung thành của Nam-Việt

²⁶ Triều-cương: Quyền-cương của Triều-đình.

Bền tôn Kiến-Đức²⁷ Vệ-Dương trị-vì.

Bốn đời trước thành-trì vững-chãi,

Đến Vệ-vương gặp phải gian-truân :

Nào là quốc-nạn²⁸, địch-nhân...

Một năm nổi nghiệp, hai lần chiến tranh !

²⁷ Thái-tử Kiến-Đức lên làm vua lấy hiệu là Vệ-Dương-Vương.

²⁸ Quốc-nạn: Cù-Thái-Hậu và Ai-Vương bị Lữ-Gia giết: Địch-nhân: Quân Tây-Hán đem quân sang đánh.

BẮC-THUỘC LẦN THỨ NHẤT (từ năm 111 trước Tây-lịch
đến 39 sau Tây-lịch)

Quân Tây-Hán sang giành bờ cõi...

Sử nước ta sao khỏi vết đen...?

Thăng, trầm từ đây bao phen...

Non sông tang tóc máu hoen hận thù!

Các Thái-thú người Tàu cai trị:

Có Nhâm-Diên thành-ý khuyến nông.

Dạy dân xe mới chỉ hồng,

Tích-Quang truyền bá Hoa-phong²⁹ từ ngày.

Đến Tô-Định đổi thay chính sách:

Đã tham-tàn, cưỡng-bách nhân-dân,

Sưu cao, thuế nặng muôn phần,

Mồ trai đáy biển, lên ngàn tìm voi....

Giết Thi-Sách tướng coi việc nước;

Khiến lòng người uất ức khôn ngăn!

Thù nhà³⁰ nợ nước bâng khuâng!

Ngàn-Tây³¹, Trung-Trắc chiêu quân các miền.

²⁹ Hoa-Phong: Phong tục Trung-Hoa.

³⁰ Thù nhà: Vì Tô-Định giết Thi-Sách là chồng bà Trung-Trắc.

³¹ Ngàn-Tây: Núi rừng phương Tây, tức Sơn-Tây (đất Châu-Phong thuộc tỉnh Sơn-Tây cũ).

HAI BÀ TRUNG DỪNG NỀN ĐỘC LẬP (từ năm 40 đến 43)

Trung-Nhị quyết thề nguyên hiệp sức

Hai chị em nhẹ bức chinh-yên,

Phát cờ khởi-nghĩa Long-biên³²,

Đuổi ngay Tô-Định, dựng nên cơ đồ.

Cõi Mê-Linh³³ đế-đô nổi tiếng,

Mới ba thu, quốc-biến, gia vong:

Hán sai Mã-Viện tấn công...

Cấm-kê³⁴ nhi-nữ khôn mong vẫy vùng.

Nơi sông Hát, đường cùng thế tận³⁵,

Hai chị em nuốt hận nghìn thu:

Liều mình với nước sông sâu.

Giang sơn bao phủ một màu tang-thương!

³² Long-biên: Trụ-sở Giao-Châu ở vùng Thuận-Thành.

³³ Mê-Linh; Nay thuộc phủ Yên-Lãng, tỉnh Phúc-Yên.

³⁴ Cấm-Kê: Nơi mà quân hai Bà tan vỡ, nay thuộc tỉnh Vĩnh-Yên.

³⁵ Hát-Giang: Chỗ sông Đáy tiếp vào sông Hồng-Hà, thuộc tỉnh Sơn-Tây, hai bà tự-vận ngày 6-2-44.

BẮC THUỘC LẦN THỨ 2 (từ năm 43 đến 544)

Lúc Mã-Viện lên đường về nước,
Đến Ai-quan dừng bước ghi công:
Thị-uy xây dựng trụ đồng³⁶;
Đặt nền đô hộ, những hòng dài lâu.

Các Thái-thú Trung-Châu bổ-nhiệm,
Có Sĩ-Vương³⁷, về điếm giáo dân, (187-226)
Mở nền học-vấn Hoa-văn.
Nho-lưu³⁸, trị quốc có phần qui-mô³⁹.

Dứt Đông-Hán, Giao-Châu lệ-thuộc,
Nhà Đông-Ngô⁴⁰ ép buộc thuế xâu...
Lại phen thay bạn mày râu,
Cửu-Chân, Triệu Âu⁴¹ đứng đầu khởi binh,

“Đạp sóng dữ, tràn-kình giết sạch...”
Quyết cứu dân khỏi ách trầm-luân⁴².
Hiềm vì cô thế, ít quân,
Chí cao khôn đạt, gởi thân chiến-trường.

Thời Tam-quốc, tranh-cường, loạn-lạc...
Quân Chiêm-thành đánh hạt Giao-Châu,
Tấn-triều gặp lúc lo âu...
Dân ta thừa dịp, chặt xâu xích xiềng.

³⁶ Trụ-đồng: Trước khi rút quân về nước, Mã-Viện sai dựng một cột đồng ở Biên-giới để ghi võ công của mình và khắc sáu chữ: “Đồng trụ chiết, giao-chi diệt”.

³⁷ Sĩ-Nhiếp là quan Thái-thú người Tàu có công-đức nhiều nên người bấy giờ tôn là Sĩ-vương.

³⁸ Nho-lưu: Dòng dõi nhà nho.

³⁹ Qui-mô: Khuôn mẫu.

⁴⁰ Đông-Ngô: Thuộc về đời Tam-quốc bên Tàu (Bắc-Ngụy, Tây-Thục, Đông-Ngô)

⁴¹ Lời Bà Triệu (248): Tôi muốn cưỡi con gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kinh ở bể Đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối.

⁴² Trầm-luân: Chìm đắm vào bể khổ.

NHÀ LÝ (từ năm 544 đến 602)

Tiền Lý Nam-Đế (từ năm 544 đến 548)

Lý Nam-Đế quật-cường trời dậy,
Đuổi xâm-lãng giữ lấy giang-san.
 Quốc-danh đặt lại Vạn-Xuân...
Hai năm chấp-chánh, địch-quân phục-thù.
Khuất-Liêu động nghìn thu nuốt hận.
Quang-Phục⁴³ thay sứ mạng chống Lương
 Thành-công, họ Triệu xưng vương;
Hai mươi năm lẻ (549-571), bốn phương thái-bình

Hậu Lý Nam-Đế (từ năm 571 đến 602)

Sau Phật-Tử lên giành ngôi quý.
Ba mươi năm Hậu-Lý nổi dòng.
 Vì chung thất trận Đô-Long⁴⁴,
Giao-Châu lại lọt vào vòng lửa than!

⁴³ Lý-Nam-Đế tức Lý-Bôn, sau khi lên ngôi được 2 năm, thì bị quân nhà Lương sang đánh; Lý thua mấy trận, liền rút quân về động Khuất-Liêu, tỉnh Phú-Thọ, và giao cho tướng là Triệu-Quang-Phục giữ binh quyền để chống giặc Lương (546) và xưng vương sau khi Lý-Nam-Đế mất năm 548

⁴⁴ Lý Phật Tử đánh với quân nhà Tùy thua trận ở Đô-Long

BẮC-THUỘC LẦN THỨ BA (từ năm 603 đến 939)

Kể từ đây, Tùy sang đô-hộ (603-617).

Đến nhà Đường, đặt Phủ An-Nam⁴⁵ (618-907).

Quan Đường lắm kẻ tham-lam,
Bạo-tàn, khát nghiệt, dân căm oán thù!

Trước Hắc-Đế (722), và sau Bồ-Cái (791)⁴⁶,

Phất cờ lên giành lại tự-do.

Anh-hùng vận-khứ, thế cô...⁴⁷!

Ba trăm năm lẻ, cơ-đồ tang-thương!

Họ Khúc dấy nghiệp (từ năm 906 đến 923)

Đời Ngũ-Quí⁴⁸, phân-cương loan-lạc.

Họ Khúc-Thừa giữ hạt Giao-châu,

Trị dân thay thế quan Tàu;

Sửa sang việc nước, truyền nhau ba đời⁴⁹.

Họ Khúc dứt, lòng người ly tán,

Tranh quyền nhau, rước Hán dày mồ.

Sau nhờ có Tướng họ Ngô⁵⁰,

Diệt quân tham-tặc, cơ-đồ lập nên.

⁴⁵ Phủ An-Nam: Là An-Nam đô-hộ-phủ; sau đổi là Trấn-Nam đô-hộ phủ. Năm 853 giặc Nam-chiếu chiếm Đô-hộ-phủ, nhà Đường bỏ Đô-hộ-phủ, đặt lại là Giao-Châu.

⁴⁶ Mai-Hắc-đế và Bồ-Cái đại-vương

⁴⁷ Vận-khứ: Không gặp thời vận. Thế cô: Ít người giúp đỡ, ý nói hai ông Mai-Hắc-đế và Bồ-Cái đại-vương bị những trở-lực nói trên, nên không thành-công lâu dài và vững chắc.

⁴⁸ Ngũ-Quí: (907) nhà Đường mất ngôi, nhà Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tấn, Hậu-Hán, Hậu-Chu tranh nhau làm vua gọi là Ngũ-Quí hay Ngũ-Đại.

⁴⁹ Ba đời họ Khúc: Khúc-Thừa-Dụ (906-907), Khúc-Hạo (907-917), Khúc-Thừa-Mỹ (917-923), tiếp tục giữ chức Tiết-độ-sứ.

⁵⁰ Ngô Quyền

TU-CHỦ THỜI-ĐẠI (từ năm 939 đến 1862)

Quân Nam-Hán⁵¹ một phen điêu đứng:
Sông Bạch-Đằng với những cọc thiêng,
 Ngô-Quyền viên gạch đầu tiên (939),
Xây nền độc-lập, chủ-quyền từ đây.

Đặt quan-chức, đổi thay phục-sắc...
Mới sáu thu đã thất lộc trời.

 Lệnh truyền Xương-Ngập⁵² nối ngôi.
Tam-Kha⁵³ em vợ, gian-hồi⁵⁴ tranh phân

Gây giặc-giã bao lần trong xứ.
Các sứ-quân chiếm-cứ khắp nơi (956-967),
 Mười hai hùng-tướng một thời,
Qua phân đất nước, toi bời sinh-linh.

⁵¹ Nam-Hán; Nước phía Nam Trung-Quốc bấy giờ

⁵² Xương-Ngập: Ngô-Xương-Ngập con của Ngô-Quyền.

⁵³ Tam-Kha: Dương-Tam-Kha.

⁵⁴ Gian-hồi; Gian-trá.

Nhà Đinh (từ năm 968 đến 980)

Đinh-Bộ-Lĩnh tiến binh anh-dũng:
Dẹp Sứ-quân, giữ vững biên-cương...
Hiệu xưng là Vạn-Thắng-Vương,
Tiên-Hoàng sáng-lập miếu-đường Hoa-Lư.
Đại-Cồ-Việt, đặt từ hồi ấy.
Mười hai năm đã thấy suy-vi:
Mặc dầu hình-phạt thị-uy⁵⁵,
Con mơ Đỗ-Thích làm nguy hai đời⁵⁶.
Vệ⁵⁷ sáu tuổi, lên ngôi nối nghiệp,
Nên Lê-Hoàn thừa dịp tiếm danh.
Từ đây “Thập đạo...”⁵⁸ hoành-hành,
Cùng Dương-Thái Hậu tư-tình, điều-binh.
Quan điền, Bạc⁵⁹ bắt-bình chống lại,
Cả hai đều thất bại thác oan!

⁵⁵ Đinh-Tiên-Hoàng dùng vạc dầu nấu sôi, nuôi hổ trong cũi để trừng phạt người có tội.

⁵⁶ Đỗ-Thích đêm nằm thấy sao rơi vào mồm, tưởng là triệu-chứng được làm vua nên giết Tiên-Hoàng và Việt-Nam Vương-Liễn.

⁵⁷ Vệ-Vương tức Đinh-Tuệ con vua Đinh-Tiên-Hoàng.

⁵⁸ Thập-đạo: Chức Thập-đạo-tướng-quân.

⁵⁹ Điền, Bạc: Đinh-Điền và Nguyễn-Bạc là các quân trung đại-thần bấy giờ.

Nhà tiền-Lê (từ năm 980 đến 1009)

Nghe tin giặc Tống sắp sang,
Tướng-biên⁶⁰ phù-lập Lê-Hoàn lên ngôi.

Lê-Đại-Hành là người trí, dũng,
Giữ non sông bền vững khắp nơi.

Bình Chiêm, phá Tống mấy hồi⁶¹,
Hăm lăm năm chấn, một thời vẻ vang (980-1005).

Lê-Long-Đĩnh bạo-tàn sớm thác (1005-1009),
Đình-thần vùi họ khác lên ngôi.

⁶⁰ Tướng-biên: Tiếng gọi chung cho các quan võ.

⁶¹ Đánh quân Tống tại Chi-Lăng (Lạng-Sơn) năm 981.

Nhà Lý (từ năm 1010 đến 1225)

Lê tàn, Lý lại nảy chồi,
Hai trăm năm lẻ, tám đời hiển vinh.

Lý-Thái-Tổ tục-danh Công-Uân⁶² (1010-1027),
Hiệu Thuận-Thiên, giữ vững mỗi giếng:
Đúc chuông, xây dựng chùa chiền,
Định ra pháp-luật giữ yên trong ngoài.

Lý-Thái-Tông lên ngai kế tiếp (1028-1054),
Vị anh-quân nổi nghiệp lâu dài,
Quyết tâm gìn giữ đất đai;
Nùng tan (1042), Chiêm phục (1044), rõ tài chỉ-huy.

Các tướng lãnh, ai bì Thường-Kiệt⁶³ (1075),
Suốt một đời, oanh-liệt, tung hoành,
Bắc chinh, tướng Tống nể danh.
Đuổi Chiêm, thâu đất Trị, Bình về ta.

Lý-Thánh-Tông đang đà mở nước (1054-1072),
Đến Nhân-Tông còn được giữ yên (1072-1127).
Sau này ba vị thiếu niên;
Anh, Cao và Huệ⁶⁴ cầm quyền không xong.

⁶² Công-Uân; Lý-Công-Uân người làng Đình-Bảng, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh

⁶³ Thường-Kiệt: Lý-Thường-Kiệt chống quân nhà Tống ở sông Như-Nguyệt là khúc dưới sông Cầu.

⁶⁴ Lý-Anh-Tông (1138-1175), Lý-Cao-Tông (1176-1210), Lý-Huệ-Tông (1211-1225).

Nhưng Hậu-Lý có công xây dựng.
Nhờ Hiến-Thành⁶⁵ nắm vững thời cơ;
 Ngoại giao cường-quốc bấy giờ,
Phái người triều Tống, dâng đồ sinh Nguyên⁶⁶.

Giữ ngoại-xâm được yên phương Bắc.
Đánh Ai Lao, dẹp giặc Chiêm-Thành.
 Tuyển binh, cung mã tập tành,
Mở đường học-vấn ban-hành luật thi.

Lý-Cao-Tông trong khi thất-chánh⁶⁷,
Kết thông-gia, Lý sánh cùng Trần.
 Cho hay con tạo xoay vần;
Họ Trần thừa thế dần dần tiếm giai⁶⁸.

Lý-Huệ-Tông không trai kế-thế,
Chôn ngai vàng, tự phế đi tu⁶⁹.
 Nhường ngôi công-chúa tiếp-thu...
Thái-sư Thủ-Độ⁷⁰ đắc mưu gian-hùng;

Cho Trần-Cảnh vô cung hầu cận,
Khiến hoa đào phải dạn gió đông,
 Vua, tôi thành đạo vợ chồng.
Lý nhường Trần giữ ngôi Rồng từ đây (1225).

⁶⁵ Hiến-Thành: Tô-Hiến-Thành.

⁶⁶ Triều Tống, sinh Nguyên: Sai người qua châu nhà Tống, đem lễ vật mừng nhà Nguyên vì lúc bấy giờ bên Tàu nhà Nguyên đánh nhà Tống để lên làm vua.

⁶⁷ Thất-chánh: Mất làm chính-trị. Cao-Tông giết Bình-Dì là tướng trung-thành, rồi bỏ ngôi và chạy trốn cùng Thái-tử Sảm. Sảm gặp con gái Trần-Lý có nhan-sắc liền lấy làm vợ.

⁶⁸ Tiếm-giai: Bậc thang để bước đến chỗ tranh quyền vua.

⁶⁹ Huệ-Tông có bệnh điên, lại thường uống rượu say ngủ cả ngày. Cuối năm 1224 ông vào tu ở chùa Chân-Giáo, truyền ngôi cho con gái út bấy giờ mới 7 tuổi, là Lý-Chiêu-Hoàng.

⁷⁰ Thủ-Đô: Trần-Thủ-Đô

Nhà Trần (từ năm 1225 đến 1400)

Trần-Thái-Tông lên ngôi còn nhỏ (1225-1358);

Nhưng Trần-Thừa sẵn có kinh-luân⁷¹.

Ba mươi năm lễ trị-an,

Nhờ Trần-Thủ-Độ mưu toan đặt bày;

Việc võ-bị đổi thay củng-cố.

Học cùng thi, Tam-giáo mở mang;

Thích, Nho và Lão ngang hàng,

Song song dự thí, rộng đàn thanh-vân⁷².

Khoa thi "Đình" mở dần rộng lớn,

Chọn Thám-hoa, Bảng-nhữn, Trạng nguyên.

Chu-An⁷³ cùng với Hàn-Thuyên,

Danh-nho xuất-chúng, đặt nền văn Nôm.

Còn nổi tiếng về môn quốc sử,

Lê-Văn-Hưu được cử soạn biên,

Hoàn-thành "Đại-Việt"⁷⁴ đầu tiên.

Võ, văn chỉnh đốn, phòng-biên⁷⁵ đêm ngày.

Về đời Trần, thường hay loạn lạc:

Mười hai đời, dẹp giặc hiên ngang⁷⁶.

Vua Chiêm nể tiếng Nam-bang,

Dâng châu Ô, Lý, cưới nàng Huyền Trân (1306)

Đời Nhân-tông (1279-1293) có Trần-Quốc-Tuấn⁷⁷

Chống quân Nguyên (1284-1288) xâm lấn cơ đồ:

Bạch-đăng, Tây-kết là mồ,

⁷¹ Trần-Thừa là anh Trần-Hưng-Khánh, giữ chức Thái-Thượng-Hoàng. Thái-Tông lên ngôi được 4 năm thì Trần-Thừa mất, Trần-Thủ-Độ nhiếp-chánh. Kinh-Luân; Gỡ mối rối, tài chính-trị.

⁷² Thanh-Vân: Thi để tiến-thân.

⁷³ Chu-Văn-An và Nguyễn-Thuyên.

⁷⁴ Đại-Việt: Đại-Việt-Sử.

⁷⁵ Phòng-Biên: Phòng giữ biên-cương

⁷⁶ Đánh giặc Mường ở Sơn-Tây, Đoàn Thượng ở Đường-Hào và Nguyễn-Nộn ở Bắc-Giang. Thái-Tông thắng Chiêm-Thành 1252; Anh-Tông (1293-1314) đánh Chiêm-Thành 1311; Minh-Tông (1314-1329) một lần nữa 1318; Dưới thời Anh-Tông, có tướng Phạm-Ngũ-Lão còn đánh dẹp Ai-Lao vào quấy-nhiều.

⁷⁷ Trần-Quốc-Tuấn (1284) có tài điều-binh, khiển-tướng; Trần-Nhật-Duật phá quân Nguyên ở bến Hàm-Tử (Hưng-Yên); Trần-Quang-Khải thắng ở bến Chương-Dương trên sông Nhị, lấy được Thăng-Long.

Chôn quân Ô-Mã, Toa-Đô một bày⁷⁸.

Quân Mông-Cổ chết đầy sông núi,
Qua hai phen bị đuổi về Tàu.

Giặc Mông thắng khắp Á, Âu⁷⁹,
Thua cay mới trải lần đầu từ đây.

Tướng-lãnh ta có đầy nhuệ-khí,
Vì quân dân nhất trí, một lòng:

Hịch Hưng-Đạo, hội Diên-Hồng,
Nêu cao khí-tiết, vũ-công một thời.

Cơ-nghiệp Trần đến hồi suy-nhược:

Khiến Nghệ-Tông trị nước không xong,

Hiền, gian thường, phạt bất-công...

Quý-Ly nắm cả việc trong, việc ngoài.

⁷⁸ Tướng Nguyên là Tây-Đô bị giết ở Tây-Kết. Ô-Mã-Nhi bị bắt sống tại trận Bạch-Đằng.

⁷⁹ Quân Nguyên là thứ quân thượng-võ bực nhất của thế-giới đã tràn khắp cả lục-địa Châu Á, qua Nga, Hung, Ý, đến đâu ngọn cỏ dưới chân ngựa cũng tan nát và chưa từng biết thua là gì.

Nhà Hồ (từ năm 1400 đến 1407)

Lê-Quý-Ly⁸⁰ cướp ngôi, đổi họ,
Vì truy-nguyên Tiên-tổ dòng Hồ.

Kinh-thành đóng ở Tây-Đô⁸¹;
Quốc-danh đổi lại Đại-Ngu bấy giờ.

Sau mấy tháng, cõi bờ xây dựng,
Nhường Hán-Thương giữ vững sáu thu.

Hai đời cũng lắm công-phu:
Thân-chinh chiếm đất hai khu⁸² Chiêm-Thành.

Dùng chánh-sách thực-hành táo bạo:
Lập kho lương, chế tạo thần-công⁸³,
Đắp đường thiên-lý khai-thông,
Ngự-hàm⁸⁴ khuyến-khích dân nông thi-hành.

Lại đặt lệ khai-sanh từ đấy.
Tổng phát-hành tiền giấy đầu tiên⁸⁵.
Định-phương⁸⁶ hạn-chế thổ, điền,
Thứ-dân, mười mẫu ruộng riêng là nhiều.

Việc xã-hội lắm điều cải-tiến.
Về văn-chương phát triển theo đà...
Giặc Minh nếu chẳng tràn qua⁸⁷,
Tương-lai rực-rỡ, quốc gia hùng-cường.

⁸⁰ Lê-Quý-Ly làm phụ chính cho Trần-Thiếu-Đế (vua 3 tuổi kế ngôi Nghệ-Tông) năm 1400, Quý-Ly bỏ Thiếu-Đế, tự xưng làm vua đổi lại họ Hồ.

⁸¹ Tây-Đô nay còn di-tích ở xã Yên-Tôn, huyện Vĩnh-Lộc, tục gọi là Tây-Giai thuộc tỉnh Thanh-Hóa.

⁸² Hai khu: Khu Chiêm-Động thuộc Quảng-Nam, Cổ-Lũy thuộc Quảng-Ngãi.

⁸³ Con trai trưởng Hồ-Quý-Ly là Hồ-Nguyên-Trùng đã sáng chế ra súng thần-công, mà người Tàu đã thoán-đoạt để nhận tiếng phát-minh trước thế-giới.

⁸⁴ Ngự-hàm: Ngăn nước mặn.

⁸⁵ Tiền bằng giấy phát-minh từ đời nhà Hồ năm 1336.

⁸⁶ Định-phương: Có phương-châm nhất-định, không đến nỗi xu-hướng lâm thời.

⁸⁷ Năm 1404, có Nguyễn-Khang, sau đổi tên là Trần-Thiên-Bình tự xưng là con vua Nghệ-Tông, trốn sang Tàu cầu-phong với vua nhà Minh. Do đó giặc Minh mới lấy cơ tràn sang.

Nhà hậu-Trần với giặc Minh (từ năm 1407 đến 1413)

Vì Nguyễn-Khang (1404) tìm phương oán nghịch
Xung Trần-Bình, con đích Nghệ-Tông,
Sang Minh kẻ lẻ cầu-phong,
Mở đường Trương-Phụ lập-công tôn-phò.

Minh xâm-lược diệt Hồ hoàn-tất,
Đặt quan, quân, chia đất từng châu...
Lo xong Trương-Phụ về Tàu.
Hậu-Trần, Giản-Định bắt đầu dấy quân (1407-1409).

Rồi tiếp đến Trưng-Quang lập nghiệp (1409-1413).
Đều cùng nhau liên tiếp chống Minh.
Đặng-Dung, Cảnh-Dị chí-tình,
Phù Trần, cứu nước, quên mình đáng khen.

Trong bảy năm bao phen chống cự...
Mới hai đời, Trương-Phụ lại sang,
Tung-hoành, ngược-đãi dân-gian!
Mười ba năm lẻ, làm-than, căm thù (1414-1427).

Nơi Lam-Sơn, mười thu kháng chiến (1418-1427),
Một chồi Lê, khi biến, khi còn...
Lê-Lai, Nguyễn-Trãi bảo tồn;
Anh-hùng Lê-Lợi rửa hờn non sông.

Tại Tuy-động, Vương-Thông bại trận;
Thành Đông-Quang thế-vận không yên,
Minh sai tướng khác sang liền,
Liễu-Thăng ồ-ạt, trận-tiền mạng vong.

Ải Chi-Lãng xương chông thành đồng.
Quân nhà Minh vỡ mộng từ nay.
Giang-sơn thu lại một tay.
Bình-Vương Đại-Cáo⁸⁸ ghi ngày liệt oanh.

⁸⁸ Bình-Vương: Bình-Định-Vương. Đại Cáo: Bình Ngô Đại Cáo

Nhà Lê (từ năm 1428 đến 1788) và thời kỳ thống nhất (từ năm 1428 đến 1527)

Thái-Tổ⁸⁹ giữ quốc-danh Đại-Việt.

Hiệu Thuận-Thiên kiến-thiết từ đây:

Lập thêm ra Đạo Hải-Tây⁹⁰,

Địa-đồ chỉnh lại, huyện này phủ kia.

Đặt luật-pháp ngăn ngừa tội ác.

Mở học đường, định các khoa thi.

Quan-danh, quân-hiệu, triều-nghi.

Quân-điền, quân-dịch, đồng-thì giảng-tu⁹¹.

Việc nội-trị đã thu kết-quả.

Mối ngoại-giao được thảo lân-bang,

Sáu năm chói rọi ngôi vàng.

Chín đời liên tiếp, mở mang trị-vì...

Đời Thánh-Tông, thời kỳ toàn thịnh (1460-1497):

Lo võ-trang quân lính tập tành,

Ba phen thắng trận uy-danh,

Bồn-Nam, Nam-Chường⁹², Chiêm-Thành rã tan

Bèn chiếm đất Đò-Bàn (1479) mở nước,

Với Lũy, Chiêm, lập được Quảng-Nam.

Đặt thêm ở đất Bồn-Nam⁹³;

Trần-Ninh phủ mới, mở mang ai tày.

⁸⁹ Lê-Lợi lên ngôi xưng là Lê-Thái-Tổ (1426-1433), người làng Lam-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa. Năm 1416, Lê Lợi xưng Bình-Định-Vương và khởi nghĩa ở núi Lam-Sơn. Sau 10 năm khổ chiến đã đuổi được giặc Minh; vua Lê-Thái-Tổ bá cáo cho thiên hạ biết rằng tờ Bình-Ngô Đại-Cáo do ông Nguyễn-Trãi viết.

⁹⁰ Hải-Tây-Đạo: Gồm cả Thanh-Hóa, Nghệ-An, Tân-Bình và Thuận-Hóa.

⁹¹ Quan-danh, quân-hiệu: Tên các chức về Văn, Võ. Giảng-tu: Định rõ và sửa-sang lại.

⁹² Nam-Chường: Hay Lão-Qua là đất Thượng-Lào (tức Louang-Prabang). Đời Lê-Thái-Tông (1434-1442); Nhân-Tông (1443-1459); Hiến-Tông (1497-1504); Túc-Tông 1504; Uy-Mục (1505-1509); Tương-Dực (1510-1516); Chiêu-Tông và Lê-Công-Hoàng (1516-1527).

⁹³ Vua Lê-Thánh-Tông; vào năm 1470, cho đem quân vào phá kinh-thành Chiêm và bắt vua Chiêm bầy giờ hay vào cướp phá Hóa-Châu, và lấy đất Đò-Bàn, Đại-Chiêm và Cổ-Lũy của Chiêm-Thành, lập ra Đạo Quảng-Nam. Năm 1479, đánh bại xứ Lão-Qua, tiến quân đến giáp-giới Miến-Điện. Sau lại đánh họ Chăm ở đất Bồn-Nam và đặt thêm ra phủ Trần-Ninh.

Chỉnh pháp luật, đặt bày quan-chế,

Mở canh-nông, y-tế khắp nơi.

Cải-lương hương-tục hợp-thời,

Đặt ra điều-lệ⁹⁴, người người tuân theo.

Việc khoa-cử, đề-cao, cải-tiến,

"Lệ xướng-danh", lệ tiến "Vinh qui"

"Tao-đàn..."⁹⁵ xướng, họa văn, thi.

Biểu-dương thịnh-trị một thì vẻ-vang.

Đời Hiến-Tông, còn đang dựng nước;

Từ Túc-Tông... nhu-nhược biếng lười.

Đặng-Dung họ Mạc gặp thời...

Cướp ngôi, giết chúa, tới hồi phân-tranh.

⁹⁴ Đặt ra 24 điều giảng đọc để cho dân noi theo tập tành thói tốt.

⁹⁵ Vua Lê-Thánh-Tông đặt ra Quỳnh-Uyển cửu ca xưng làm Tao-Đàn Nguyên-súy với kẻ triều-thần như các ông Thanh-Nhân-Trung, Đỗ Nhuận, tất cả 28 nhà thơ, xướng họa với nhau để biểu-dương một thời thịnh-trị không tiền khoáng-hậu trong lịch-sử nước nhà.

Nam-Triều, Bắc-Triều và Nhà Mạc (từ năm 1527 đến 1592)

Sáu lăm năm, Mạc giành Cao-Bắc⁹⁶;
Năm mươi năm, cướp giặc liên-miên...
Thay vua, chúa Trịnh cầm quyền.
Trịnh cùng với Mạc đôi miền chống nhau.

⁹⁶ Cao-Bắc: Miền cao-nguyên Bắc-kỳ.

Nhà Hậu-Lê và thời-kỳ phân tranh (từ năm 1533 đến 1788)

Sau năm năm, Mạc thù bờ cõi,

Có Nguyễn-Kim, tướng giỏi Nhà Lê.

Mười năm khai-thác chẳng nề...

Phủ Lê, diệt Mạc, tiến về Nghệ, Thanh (1540-1542).

Quyết tử đây, chiến tranh liên-tục,

Giúp Trang Tông⁹⁷ khôi-phục Thăng-Long (1543).

Tiếc thay nghiệp cả chưa xong...(mất 1544)

Thống-quân⁹⁸, nhờ rể⁹⁹ lập-công thay mình.

⁹⁷ Lê-Trang-Tông (con út của Lê-Chiêu-Tông) và Nguyễn-Kim nương-náu 10 năm ở Sầm-Châu (Ai-Lao) từ 1532 để chiêu-tập quân-sĩ.

⁹⁸ Thống-quân: Giữ binh-quyền điều-khiển quân-đội.

⁹⁹ Rể ông Nguyễn-Kim là Trịnh-Kiểm.

Trịnh-Nguyễn phân tranh

Họ Trịnh xưng Chúa xứ Bắc

Rồi Trịnh-Kiểm giao-binh cùng Mạc.
Đời Trịnh-Tùng mới đạt nhiều công.
Cơ-đò, Chúa-Trịnh lập xong,
Tự xưng "Nguyên-súy..."¹⁰⁰ nắm trong lẫn ngoài.
Suốt thời Trịnh, vua ngôi làm vị.
Chúa giữ quyền chính-trị trong tay.
Mười đời Chúa Trịnh đổi thay,
Vua mười lăm vị, nói ngai vô quyền¹⁰¹.

Họ Nguyễn xưng Chúa xứ Nam

Bởi Trịnh Kiểm gây nên tai-biến:
Giết Nguyễn-Uông, độc-chiếm uy-quyền.
Nguyễn-Hoàng¹⁰² sợ ở không yên,
Xin vào Thuận-Hóa (1558) lập riêng cơ-đò.
Được vua phong cõi bờ trấn giữ,
Cùng Trịnh-gia một thuở phân-tranh.
Tương-tàn để hận sông Gianh!
Bốn lăm năm loạn, chiến-chinh bảy lần!

¹⁰⁰ Nguyên-súy: Năm 1599, đời vua Lê-Thế-Tông, Trịnh-Tùng tự xưng làm "Đô Nguyên-Súy Tổng-Quốc-Chính Thượng-phụ Bình-an-vương" định lệ cấp bổng cho vua Lê.

¹⁰¹ Thời Vua Lê, Chúa Trịnh; Lê-Trung-Hưng (1593-1729), Lê-Suy (1729-1782), cuối đời Lê (1783-1789).

¹⁰² Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng là con ông Nguyễn-Kim.

Công việc Chúa Trinh

Trinh, phương Bắc cầu-tân Trung-Quốc,
Mở ngoại-thương các nước Nhật, Lan¹⁰³.
Chỉnh-tu pháp-luật, an-bang.
Khai-thông hầm mỏ, mở-mang học-hành,
Đánh Cao-Bằng, hạ thành nhà Mạc.
Đẹp bao phen nội-tặc nhiều-nhương¹⁰⁴,
Hai trăm năm lễ chủ-trương:
Phù Lê mượn tiếng, tranh-cường Nguyễn-Gia.
Trong thời ấy, nhiều nhà văn-sĩ...
Với thi ca nay hãy còn truyền:
"Phụ ngâm", "Cung-oán"¹⁰⁵, "Hoa Tiên" v.v.
Gia-tăng phong-phú cho nền văn-thi.
Còn ảnh-hưởng nhiều về hậu-thế:
Thời Gia-Long, đáng kể truyện Kiều,
Lời lời gấm dệt hoa thêu...
Quốc-văn từ đấy thêm nhiều vẻ-vang...

Công việc Chúa Nguyễn

Nam, Chúa Nguyễn trên đàng mở đất,
Hai trăm năm hoàn-tất các miền.
Chiêm-Thành, Chân-Lạp nối liền,
Giang-Sơn mở đến Hà-Tiên bây giờ.
Đặt thuế-khóa, quân cơ¹⁰⁶ phòng-thủ.
Lập thêm dinh, định phủ khắp nơi...
Vũ-công oanh-liệt một thời.
Đất-đại muôn dặm, mười đời công-phu.

¹⁰³ Nhật-Bổn và Hòa-Lan

¹⁰⁴ Nhiều-nhương: Rối loạn và cướp bóc.

¹⁰⁵ Cung-oán ngâm khúc và Chinh-phụ ngâm khúc.

¹⁰⁶ Quân-Cơ: Quân chia làm 5 cơ.

Người Âu-châu sang Đại-Việt trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh

Người Âu-Châu qua mưu truyền đạo,
Lần đầu-tiên, Công-giáo Gia-Tô;
Lâm-thời, A-lếch-đờ rô¹⁰⁷,
Phiên-âm quốc-ngữ truyền cho người mình.

Các thị-trấn thanh-hành buôn bán;
Tàu ngoại-bang lai vãng liên-miên.
Hội-An là phố đầu tiên,
Thứ nhì phố Hiến, vang tên một thời.

¹⁰⁷ Alexandre de Rhodes. Các giáo-sĩ bên Âu-Châu qua truyền đạo đã từng dùng mẫu-tự La-tinh để phiên-âm tiếng Việt cho dễ đọc tiếng Việt mà truyền đạo cho người Việt. Cuộc phiên-âm có lẽ chỉ là làm tạm thời ấy, không ngờ đã là một công-trình sáng tác ra chữ quốc-ngữ mà cố Alexandre de Rhodes người Pháp đã thực-hiện trong cuốn tự-điển Dictionarim Annamiticum et Latinum xuất-bản năm 1951 tại La Mã (Trích Cây văn-hiến).

Nhà Nguyễn Tây-Sơn (từ năm 1778 đến 1802)

Nguyễn-Định-Vương¹⁰⁸ nối ngôi còn bé (1765-1777),

Trương-Phúc-Loan ý-thế hoành-hành...

Trịnh, Lê lệ thuộc Nhà Thanh ...

Tây-Sơn khởi-nghĩa trị-bình Bắc, Nam.

Bởi Chúa Trịnh mưu thâm gây loạn.

Vua Quang-Trung bao quản băng ngàn...

Ba phen đánh dẹp hiên-ngang,

Thanh-triều mất vía, Lê tàn từ đây (1789).

Quân Sĩ-Nghị¹⁰⁹ một bày thua chạy,

Chen qua sông nên gãy phù-kiều¹¹⁰;

Giặc Thanh thất-trận tiêu-điều,

Tướng lo tẩu thoát, quân liêu thác trôi.

Quân Sầm-Đổng¹¹¹ đồng thời tan hết,

Gò Đống-Đa xác chết thành đồi.

Bắc, Nam chinh-phục yên rồi,

Anh-hùng áo vải lên ngôi trị-vì:

Huệ, Nhạc, Lữ ba kỳ chế-ngự,

Bắc, Trung, Nam mỗi xứ một người.

Quang-Trung (Nguyễn-Huệ) đồng thì,

An-dân, trị-quốc, phát-huy chí cường.

Người cương-quyết mở đường Bắc-tiến;

Còn sống thêm, giới-tuyên đến đâu?

Thời bình, người những lo âu,

Quốc-văn độc-lập mới hầu thoát-ly...

Vì lẽ đó nên chi huấn-luyện

¹⁰⁸ Định-Vương: con thứ 16 của Vũ-Vương mới 12 tuổi lên làm Chúa.

¹⁰⁹ Sĩ-Nghị: Tôn-Sĩ-Nghị

¹¹⁰ Sĩ-Nghị: Tôn-Sĩ-Nghị

¹¹¹ Sầm-Nghi-Đổng: Đổng quân ở Đống-đa bị quân ta vây đánh, thất cổ chết, quân Tàu chết thây nằm ngổn-ngang máu chảy như thác nước. Những thây ấy gồm lại thành gò Đống-đa.

Dùng chữ nô, văn-kiến thông-thường.
Nơi nơi đều mở học-đường,
Văn nô khuyến-khích chủ-trương rành rành.

Lo chinh-đốn các ngành chẳng thiếu:
Nào ngoại-giao, thông-hiếu Nhà Thanh.
Đẹp tao-loạn¹¹², tụ dân lành.
Thỏ, điền phân hạng¹¹³, ban-hành khuyến nông.

Về võ-bị, kỳ-công hiển-hách,
Việc tuyển binh, cưỡng-bách tòng quân
Anh-hùng cái-thế¹¹⁴ đã tận,
Chinh Nam, phạt Bắc, bao lần danh vang

Vua Quang-Toản còn đang tuổi trẻ,
Các đình-thần chia rẽ lẫn nhau
Nhân-dân chán-nản lo âu...
Gia-Long gặp dịp tóm thâu sơn hà.

¹¹² Tao-loạn: Rối loạn

¹¹³ Đất và ruộng đều được chia ra nhiều hạng để đánh thuế.

¹¹⁴ Cái-thế: Cái khí-khái trùm cả một đời người, cả trong đời không ai địch nổi.

Thống nhất thời đại và nhà Nguyễn (từ năm 1802 đến 1862)

Cháu Chúa Nguyễn, gọi là Nguyễn-Ánh,
Trồn Tây-Sơn ra lánh nước ngoài:
 Xiêm-La, Phú-Quốc khắp nơi,
Viện binh đánh Lữ, mấy hồi gian-nan.

Chiếm Gia-Định mở-mang liên-tiếp...
Khẩn đất hoang, giao-thiếp với Tây,
 Nguyễn-Vương thế mạnh từ đây,
Mấy lần tiến thoái, cũng dày công-phu.

Cũng thời-thê, cũng do khí-giới,
Nguyễn tóm thâu một mối giang-sơn.
 Quốc-danh, đổi lại Việt-Nam,
Kinh-Đô đóng ở Phú-Xuân¹¹⁵ bấy giờ.

Mười tám năm, cõi bờ xây dựng (1802-1819),
Vua Gia-Long giữ vững mối giềng;
 Chỉnh-tu bộ luật đầu tiên,
Xây thành, đắp lũy các miền hiểm nguy.

Việc thuế-khóa đồng thì định lại.
Sự an-ninh, được tái-lập đều.
 Ngôi vàng, truyền tới mấy triều ...
Vua, mười hai vị, gặp nhiều gian-truân.

Vua Minh-Mệnh, chuyên-cần, hiếu-học (1820-1840),
Hai mươi năm giữ được mối giềng.
 Đặt Cơ-mật-viện đầu tiên,
Định ra lương-bổng và tiền dưỡng-liêm.

Về học-vấn, mở thêm khoa-cử.

¹¹⁵ Phú-Xuân: Bấy giờ gọi Huế.

Nhưng bang-giao, đối-xử quá khinh
Tây, Âu... những nước văn-minh,
Không hề xét hỏi, dứt tình ngoại-thương.

Lại giết hại, xem thường Giáo-sĩ,
Nên ngoại-bang dụng-ý can vào.
Tình-hình trong nước xôn-xao,
Khôi, Vân¹¹⁶ dấy loạn đã bao nhiêu lần (1833).

Vua Thiệu-trị cũng tàn căm đạo (1841-1847);
Tự-Đức sau hoài-bão ý cha (1847-1883).
Lại thêm trong nước xảy ra,
Biết bao giặc-giã khó mà dẹp yên.

Thừa-cơ ấy, Pháp liền thôn-tính:
Tĩnh Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường,
Còn mưu Trung, Bắc thị-trường...
Nghị-hòa nhâm-tuất (1862) ký nhường vừa xong.

Vua Tự-Đức những mong chuộc lại...
Việc không xong, còn phải mất dây:
Nam-Kỳ, ba tỉnh miền Tây¹¹⁷.
Nghị-Hòa Giáp-tuất (1874) đổi thay lắm điều:

Nhường Nam-Kỳ và nhiều hải-cảng,
Mở ngoại-thương, buôn bán tự-do...
Triều-đình Huế những đắn đo...
Ngày càng yếu thế, càng lo bội phần.

Thành Hà-Nội hai lần thất-thủ¹¹⁸;
Mất Bắc-Kỳ, hải-khẩu Thuận-An.
Quý-mùi (1883) tiếp đến Giáp-Thân (1884),
Nhận nền bảo-hộ ngoại nhân từ ngày.

¹¹⁶ Khôi, Vân: Nông-Văn-Vân nổi lên ở vùng thượng-du Bắc-Việt; Lê-Văn-Khôi là con nuôi Lê-Văn-Duyệt nổi lên chiếm đất Nam-Kỳ.

¹¹⁷ Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên.

¹¹⁸ Pháp hạ thành Hà-Nội lần thứ 1 năm quý-dậu (1873), lần thứ 2 năm nhâm-ngọ (1882)

Các Trấn-Thủ lòng ngay, chí cả.

Sự tiết trung kia đã được ghi;

Tri-Phương, Hoàng Diệu ai bì¹¹⁹,

Quên mình vì nước, một bề chống Tây.

Trương-Công-Định cũng đầy nhiệt-huyết,

Mầm ngoại-xâm cố diệt cho tan,

Gò-Công, Chợ-lớn, Tân-An v.v...

Những nơi chống Pháp, ngày càng thêm gay ...

Bởi quốc-vận gặp đầy tai biến;

Kém vũ-trang, phương-tiện cứu nguy.

Giang-Sơn, sự-nghiệp suy-vì!

Tám mươi năm lẻ, sử ghi hận thù.

¹¹⁹ Nguyễn-Tri-Phương, khi thành Hà-Nội thất-thủ lần thứ 1, bị thương, Pháp đem băng bó khuyên-lơn, ông không chịu và nhin ăn để tự-tiết 20-12-1873, Hoàng-Diệu, quan Tổng-Đốc Hà-Nội, khi được tin Pháp vây thành lần thứ 2, liệu thể không xong, thất cổ mà tự-vận.

PHÁP-THUỘC THỜI-ĐẠI (từ năm 1863 đến 1945)

Ba-Tờ-Nốt¹²⁰ bao thu túi nhục!
Đời dân ta cơ-cực, khó-khăn,
Tinh-thần, vật-chất, khả-năng,
Lâm vòng kiềm-chế, cản ngăn trăm đường.

Kẻ Ái-Quốc xót thương nòi giống,
Mãi căn thù hệ-thống thực-dân,
Tám mươi năm, biết mấy lần?
Vùng lên khởi-nghĩa, giành phân tự-do.

Tôn-Thất-Thuyết những lo dẹp giặc:
Đưa Hàm-Nghi lánh mặt nửa đêm¹²¹,
Cần-Vương truyền hịch khắp miền.
Dân Trung, Nam, Bắc đứng lên chống đều.

Phan-Đình-Phùng¹²² với nhiều tướng giỏi,
Đất Vũ-Quang giữ mãi đến cùng,
Quảng, Thanh, Nghệ, Tĩnh lao-lung¹²³,
Mười năm quật-khởi, lấy-lùng tiếng-tấm.

Hoàng-Hoa-Thám, với tâm quyết-liệt,
Gây cơ-đồ ở miệt Bắc-Giang (1888-1913),
Hai mươi năm lẻ bèn gan,
Giữ vùng Yên-Thế, Pháp càng nể danh.

Vua Thành-Thái tán-thành du-học (1889-1907),
Đức Duy-Tân mưu cuộc đánh Tây¹²⁴ (1907-1916),
Chương-trình bại-lộ tiếc thay!
Quốc-dân gặp phải chuỗi ngày tối tăm...!

¹²⁰ Patenôtre : Triều-đình Huế ký Hòa-ước tại Huế với ông Patenôtre ngày 6-6-1884 tương-tợ như Hòa-ước ký với ông Harmand 28 – 8 – 1883 là nhận sự bảo-hộ của Pháp ở Trung và Bắc-Kỳ.

¹²¹ Tôn-Thất-Thuyết phò vua Hàm-Nghi chạy ra Tân-Sở khi kinh-thành Huế thất-thủ khuya 22-5 Ất-dậu (4-7-1885)

¹²² Phan-Đình-Phùng là lãnh-tụ đảng văn-thân để chống Pháp sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt.

¹²³ Quảng-Bình, Thanh-Hóa, Nghệ-An, Hà-Tĩnh.

¹²⁴ Vua Thành-Thái giao-thiệp bí-mật với phái Đông-du nên năm 1908 bị đày sang đảo Réunion. Năm 1916, vua Duy-Tân đứng đầu cuộc khởi-nghĩa do hai ông Thái-Phiên và Trần-Cao-Vân tổ-chức. Công-cuộc bại-lộ ngài bị đày sang một chỗ với Phụ-Hoàng.

Nêu gương sáng nhiệt tâm dựng nước
Với chủ-trương "cường-quốc, hóa dân"¹²⁵
Phong-trào, cách-mạng, Duy-Tân,
Hai Phan chí-sĩ¹²⁶ bao lần đấu tranh...

Cuộc khởi-nghĩa nổi danh Yên-Bái,
Đảng Quốc dân với mấy anh-hùng,
Thất-cơ đến phút lâm-chung,
Còn hô khẩu-hiệu nhắc cùng hậu-sanh¹²⁷.

Các tiền-bồi đều tranh độc-lập,
Bao xích xiềng quyết đập cho tan,
Đã từng chiến-đấu gian-nan.
Thời-cơ, quốc-vận đôi đàng chưa thông.

¹²⁵ Cường-quốc bằng cách mở-mang kinh-tế, mở xưởng kỹ-nghệ. Hóa-dân là nâng cao dân-trí, giác-ngộ dân chúng hiểu tư-tưởng dân-chủ, dân-quyền.

¹²⁶ Phan-Bội-Châu và Phan-Châu-Trinh là những nhà lãnh-đạo phong trào Duy-Tân cách-mạng đáng kể (1907). Các nhà chí-sĩ khác như Cường-Đề, Nguyễn-Thượng-Hiền, Nguyễn-Hải-Thần v.v... lập ra Việt-Nam Quang-Phục-Hội.

¹²⁷ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng của Nguyễn-Thái-Học ra đời năm 1927. Năm 1930, Nguyễn-Thái-Học lãnh-đạo cuộc khởi nghĩa ở Yên-Bái và Lâm Thao. Bị thất-bại ông và 12 đồng-chí lên đọan đầu đài tại Yên-Bái vẫn bình-tĩnh hô to "Việt-Nam vạn tuế".

Thời-kỳ-thế-giới-chiến-tranh lần thứ 2 (từ năm 1939 đến 1945) & Nhật chiếm đóng Việt-Nam (từ năm 1940 đến 1945)

Quân Nhật-Bồn ở trong phe Trục¹²⁸,
Đức, Ý cho thâm-phục Á-Đông,
Xâm-lăng các đảo thành-công,
Đặt chân đất Việt để mong lấy đà (2-9-1940).

Thực-dân Pháp giảng-hòa cầu-cạnh,
Quân Phù-tang thế mạnh tiến nhanh.
Muru sâu cố diệt dân mình,
Vết vơ thực-phẩm để dành trăm kho.

Cả Pháp, Nhật đều lo trận thế,
Ai chủ-trương quốc-kế, dân-sanh?
Gây ra nạn đói hoành-hành,
Bắc-kỳ, hơn triệu dân lành thác oan...!

¹²⁸ Phe Trục gồm Đức, Ý, Nhật đã gây ra trận thế-chiến thứ 2.

Chính-phủ Trần-Trọng-Kim và Việt-Nam độc-lập (ngày 17/4/1945)

Pháp đang bị lân-bang chi-phối.
Nhật thừa-cơ nắm khối Á-Đông¹²⁹,
Sau khi lật Pháp vừa xong,
Cho Việt độc-lập nắm trong khối này.

Cái bánh vẽ dầu gây hậu-quả,
Được tự-do cũng thỏa hờn căm.
Tháng tư, mười bảy, bốn lăm.
Tuyên-ngôn Độc-Lập, tiếng tăm nhất thời.

¹²⁹ Sau khi thắng trận, Nhật sẽ lập khối Đại-Đông-Á do Nhật lãnh-đạo.

STT	Tên nước	Thời Đại	Kinh Đô	Tỉnh
1	Văn Lang	Hùng Vương (2768-257 trước Tây-lịch) – 2511 năm	Châu Phong	Sơn Tây, Vĩnh Yên, Phú Thọ
2	Âu Lạc (257 trước Tây-lịch)	Thục-Vương (257-207 trước Tây-lịch) – 50 năm		
3	Nam Việt (207 trước Tây-lịch)	Nhà Triệu (207-111 trước Tây-lịch) – 96 năm	Loa Thành	Phúc Yên
4	Giao Châu (111 trước Tây-lịch)	Nhà Hán và Hai Bà Trưng (111 trước Tây-lịch – 43 sau Tây-lịch) – 154 năm <u>Bắc thuộc lần thứ I</u> – 151 năm Hai Bà Trưng 3 năm (Giao Chỉ, Cửu Châu, Nhật Nam) thuộc nước ta <u>Bắc thuộc lần thứ 2</u> (43-544) – 501 năm	Phiêu Ngung Mê Linh	Phúc Yên
5	Vạn Xuân (544)	Tiền-Lý (544-548) và Triệu Quang Phục (549-571) Hậu-Lý (571-602) – 58 năm	Long Biên	
6	Giao Châu Annam đô hộ phủ, Trấn-Nam đô hộ phủ	<u>Bắc thuộc lần thứ 3</u> Dưới nền đô hộ của nhà Đường (603-905) – 302 năm <u>Tư chủ thời đại:</u> Họ Khúc dấy nghiệp (906-923) – 17 năm Nhà Ngô (939-968) – 29 năm		
7	Đại Cồ Việt (968)	Nhà Đinh (968-980) – 12 năm Nhà Tiền Lê (980-1009) – 19 năm Nhà Lý (1010 – 1225) – 215 năm	Loa Thành Hoa Lư	Phúc Yên Trương Yên
8	Đại Việt (1054)	Đặt ra thời Lý Thánh Tông (1054) Nhà Trần (1225 – 1400) – 175 năm	Thăng Long	Hà Nội
9	Đại Ngu	Nhà Hồ (1400 – 1407) – 7 năm Hậu Trần (chống quân Minh) (1407 – 1413) – 7 năm	Tây Đô	Thanh Hóa
10	Đại Việt (1428)	Hậu Lê (1428-1788) – 360 năm Thời kỳ thống nhất (1428-1527) – 100 năm Nam Triều, Bắc Triều Nhà Mạc (1527-1592) – 65 năm Nhà Hậu Lê Thời kỳ phân tranh (Trịnh, Nguyễn) (1533-1788) – 255 năm	Thăng Long	
11	Việt Nam	Nhà Nguyễn Tây Sơn (1778-1802) – 24 năm <u>Thống nhất thời đại:</u> Nhà Nguyễn (1802-1862) – 60 năm Pháp thuộc thời đại (1863 – 1945) – 82 năm	(Phú Xuân) Huế	Thừa Thiên

**Chân-dung tự họa
và tiểu-sử
tác-giả Võ Khắc Trí**

Ông Võ Khắc Trí sinh ngày 5 – 5 – 1912 tại làng Dương-Đàn, Phủ Tam-Kỳ, Tỉnh Quảng-Nam. Sau khi tốt nghiệp trường Trung-học Kỹ-Nghệ và Thực-Hành ở Huế, và tốt-nghiệp khóa Hội-họa năm 1931, ông phục vụ trong ngành Giao thông Công-chánh (1931 – 1936), sở Hỏa-xa (1936 – 1967) cho đến khi hưu trí năm 1967. Ông hiện định-cư tại Houston, Texas. Ông tham-gia ngành hội họa từ năm 1931 và có nhiều tác-phẩm được triển-lãm tại Phòng Thông-tin V.N.C.H ở Sài Gòn trước năm 1975.